

GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY NGÔN NGỮ DÂN TỘC TÀY Ở TỈNH CAO BẰNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ThS. Đỗ Thị Diễm

ThS. Nguyễn Thị Minh Chi

Trường Cao đẳng Sư Phạm Cao Bằng

Email: dothudien1973@gmail.com

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ. Ngoài tiếng Việt được sử dụng làm ngôn ngữ phổ thông thì các dân tộc thiểu số hầu hết đều có ngôn ngữ riêng. Ngôn ngữ gồm tiếng nói và chữ viết, là thành tố quan trọng của văn hóa, có vai trò trung tâm trong thực hiện các chức năng tư duy, giao tiếp, biểu cảm và lưu trữ, cùng với lao động hình thành nên các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần. Tiếng nói, chữ viết được coi là hồn cốt của một tộc người. Việc mất tiếng mẹ đẻ cũng tương tự với nguy cơ mất đi hồn cốt, bản sắc văn hóa của tộc người đó. Trong bối cảnh hiện nay, ngôn ngữ dân tộc ngày càng bị mai một, ngay cả một bộ phận đông bào dân tộc cũng không biết chữ hoặc không biết nói tiếng mẹ đẻ của mình. Chính vì vậy, gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới là cần thiết, nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa của tộc người Tày.

Từ khóa: Gìn giữ, phát huy, ngôn ngữ, bản sắc văn hóa, dân tộc Tày, tỉnh Cao Bằng.

Abstract: Vietnam is a multi-ethnic and multilingual country. Apart from Vietnamese, which is the common language, most ethnic minorities have their own languages. Language, which includes spoken and written languages, is an essential component of culture, enabling thinking, communication, expression, and preservation of cultural values. Together with labour, it forms the material and spiritual values of culture. Spoken and written languages are considered the soul of an ethnic group, and losing the mother tongue poses a threat to cultural identity. In the current context, ethnic languages are at risk of being lost, and some ethnic minorities are illiterate or cannot speak their mother tongue. Therefore, it is necessary to preserve and promote the Tay ethnic language in Cao Bang to safeguard the cultural identity of the Tay ethnic group during the renovation period.

Keywords: Preserving, promoting, language, cultural identity, Tay ethnic group, Cao Bang province.

Ngày nhận bài: 30/12/2022; ngày gửi phản biện: 4/1/2023; ngày duyệt đăng: 15/2/2023.

Mở đầu

Dân tộc Tày ở tỉnh Cao Bằng có nền văn hóa phong phú, đa dạng, có tiếng nói, chữ viết từ lâu đời. Đó là tài sản vô giá của cha ông truyền lại. Ngôn ngữ của người Tày rất giàu và đẹp, điều đó đã khiến cho lời ăn tiếng nói của người Tày trở nên phong phú, uyển chuyển, tinh tế không thua kém một loại hình ngôn ngữ nào khác. Ở mỗi vùng quê khác nhau, tiếng Tày lại mang những nét đặc trưng riêng của địa phương với những âm điệu độc đáo. Trong cuộc sống, người Tày dùng ngôn ngữ của mình để giao tiếp hằng ngày với nhau. Chữ viết Tày qua nhiều lần cải tiến đã phát triển khá hoàn chỉnh, tiến kịp với xu thế chung của ngôn ngữ nhân loại, đủ để sử dụng trên mọi phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với xu thế giao lưu hội nhập toàn diện hiện nay đã tác động không nhỏ đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Giới trẻ ít sử dụng tiếng dân tộc trong giao tiếp hằng ngày, chữ viết có nguy cơ bị mai một, vì thế việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới là quan trọng và cần thiết.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, cuốn sách, bài viết về dân tộc Tày ở Việt Nam, song nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ dân tộc Tày chưa nhiều. Đáng chú ý, một số công trình như: “Nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ dân tộc Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam” của Hà Thị Tuyết Nga (2014) đã khai thác những đặc điểm về bản sắc văn hóa, văn hóa dân tộc Tày của nước ta thông qua ngôn ngữ; Nghiên cứu của Triệu Thị Kiều Dung (2017) “Sưu tầm và nghiên cứu giá trị các văn bản chữ Nôm Tày ở Cao Bằng” cho thấy các văn bản Nôm Tày có lịch sử hình thành và phát triển song hành với lịch sử phát triển của tộc người Tày, đặc biệt là người Tày ở Cao Bằng. Ngoài ra, một số tác phẩm khác như truyện thơ, từ điển chữ Nôm Tày, sách nghiên cứu văn hóa chung một số dân tộc thiểu số ở Cao Bằng... đã góp phần đánh dấu sự phát triển văn hóa, tư tưởng, tình cảm, tâm linh của tộc người và trở thành niềm tự hào, là di sản văn hóa phi vật thể quý giá của riêng người Tày và tỉnh Cao Bằng nói chung.

Mục tiêu của bài viết góp phần làm rõ việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới, trong đó tập trung vào truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc Tày, gìn giữ và phát huy các lễ hội truyền thống của dân tộc Tày và việc dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng. Bài viết sử dụng phương pháp thu thập tư liệu bằng cách phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý, các nghệ nhân địa phương để sưu tầm, ghi chép việc gìn giữ và phát huy tiếng nói, chữ viết của dân tộc Tày ở Cao Bằng. Đồng thời tổng hợp, kế thừa tài liệu thứ cấp, các công trình nghiên cứu, các báo cáo của địa phương, thu thập các ý kiến của chuyên gia, nhà quản lý, các cơ quan, ban ngành liên quan.

1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng là một tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Phía Bắc giáp Trung Quốc, có đường biên giới dài trên 333 km; phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn; phía Tây và Tây Nam giáp hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Dân số Cao Bằng hơn 533.000 người, gồm các dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Chay, Lô Lô, Kinh, Hoa..., trong đó

dân tộc Tày chiếm 40,84%, Nùng 29,81%, Hmông 11,65%, Dao 10,36%, Sán Chay 1,49%, Lô Lô 0,54%, Kinh 5,12% và dân tộc khác 0,19% (Phạm Thị Phương, 2020).

Tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích tự nhiên 670.039 ha, chiếm khoảng 2,12% diện tích tự nhiên toàn quốc, trong đó: đất nông nghiệp chiếm hơn 9%, đất lâm nghiệp, núi đá, sông suối chiếm hơn 90%. Địa hình phức tạp với 3 vùng rõ rệt là vùng núi đất, vùng núi đá và vùng địa hình trung, độ cao trung bình so với mặt nước biển trên 300m, thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, đỉnh cao nhất là ngọn núi Phja Dá thuộc huyện Bảo Lạc có độ cao 1.987m. Có 10 nhóm đất chính, trong đó nhóm đất đỏ vàng chiếm khoảng 60% tổng diện tích tự nhiên, thích hợp với sản xuất nông nghiệp. Những vùng núi trung bình, núi thấp phù hợp cho phát triển sản xuất lâm nghiệp hoặc sản xuất nông - lâm kết hợp. Là vùng thượng nguồn của hai hệ thống sông Hồng và sông Tả Giang (Trung Quốc), trên địa bàn tỉnh có mật độ sông, suối khá dày đặc (khoảng 0,47km/km²). Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa, với mùa khô và mùa mưa rõ rệt.

Hiện nay, tỉnh Cao Bằng có 10 huyện, thành phố (trong đó có 07 huyện nghèo), 161 xã, phường, thị trấn. Tỉnh có 33 xã khu vực I, 04 xã khu vực II, 124 xã khu vực III. Có 17/139 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 05 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới. Thu nhập bình quân đầu người của cả tỉnh Cao Bằng năm 2021 là 37 triệu đồng/người/năm (UBND tỉnh Cao Bằng, 2022).

2. Thực trạng việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng

- Truyền thông bằng tiếng nói dân tộc Tày

Ngày 5/7/1957, Tỉnh uỷ Cao Bằng đã quyết định thành lập Đài Truyền thanh tỉnh trực thuộc Ty Văn hoá. Giai đoạn từ 1957 đến 1976, ngoài việc tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam hàng ngày, Đài Truyền thanh tỉnh còn xây dựng các chương trình của địa phương. Tháng 5/1977, Đài Phát thanh Cao Lạng được khởi công xây dựng tại thị xã Cao Bằng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đây là bước ngoặt quan trọng chuyển đổi lĩnh vực truyền thanh sang phát thanh, tiền thân của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng. 19h ngày 2/9/1977, chương trình phát thanh đầu tiên được phát sóng trên hai làn sóng điện 48 m và 312 m với bốn thứ tiếng: Việt, Tày - Nùng, Hmông, Dao. Đây là mốc son đánh dấu sự ra đời của Đài Phát thanh Cao Lạng (sau này là Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng). Từ đó đến nay, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh cũng đã dành thời lượng nhất định để phát bằng tiếng dân tộc Tày về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương các cấp để đồng bào biết, thực hiện. Ngoài ra, còn có các chương trình phổ biến khoa học kỹ thuật, nêu những tấm gương điển hình xuất sắc về lao động giỏi, làm giàu của một số hộ gia đình để đồng bào học tập, áp dụng các mô hình phù hợp với từng địa bàn cụ thể của từng địa phương. Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian như Vương Hùng, Ma Văn Hân, Dương Sách, Nông Văn Danh... đã sưu tập những truyện cổ bằng tiếng Tày để truyền tải đến người nghe

qua các chương trình của Đài phát thanh truyền hình. Tất cả những việc làm đó đẩy lên tinh thần yêu tiếng mẹ đẻ, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc Tày.

- Truyền thông bằng chữ viết dân tộc Tày

Trước đây, người Tày sử dụng hệ thống ký tự chữ Hán để ghi âm Tày, được các nhà nghiên cứu gọi là chữ Nôm Tày. Đó là một sáng tạo tập thể của nhiều thế hệ trí thức người Tày. Trong đời sống hàng ngày, người Tày sử dụng tiếng Tày là chủ yếu. Chữ Nôm Tày được dùng trong tất cả các văn bản có giá trị pháp lý như khế ước, mua bán, chuyển nhượng, địa bạ đến phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lịch sử, địa lý và các tác phẩm văn học,... Chữ Nôm Tày là chữ khối vuông, thuộc thể loại chữ tượng hình, kế tục và phát triển từ chữ Hán của dân tộc Hán ở phương Bắc. Vì vậy, trong cách viết chữ Nôm Tày phải tuân thủ trình tự, cách thức viết của chữ Hán là trên trước, dưới sau; trong trước, ngoài sau; trái trước, phải sau; viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới (theo hàng dọc); sử dụng bộ thủ chữ Hán để nhận biết ngữ nghĩa, mặt chữ, chữ được viết trên giấy bản do người dân địa phương tự sản xuất (tiếng Tày gọi là *chia sla*). Thời kỳ trước, chữ Nôm Tày được lưu hành thông qua truyền dạy trực tiếp và sao chép thủ công nên đã có nhiều biến thể. Có nhiều chữ khi viết được người viết giản lược nét, viết tắt, viết thảo (lối viết nhanh, liền nét, chỉ giữ một số nét trọng tâm trong chữ) nên nếu không có một trình độ nhất định về chữ Hán thì không thể đọc được văn Nôm Tày. Do những quy tắc chặt chẽ trong cách viết, cách dạy truyền khẩu và nhiều lý do khác, ngày nay còn rất ít người có thể đọc thông, viết thạo chữ Nôm Tày. Phần lớn những người này đều đã cao tuổi. Nếu không có những biện pháp bảo tồn khẩn cấp thì tương lai gần, rất có thể di sản này đứng trước nguy cơ thất truyền. Bảo tàng tỉnh hiện lưu giữ 39 đầu sách chữ Hán và Nôm Tày sử dụng trong nghi lễ của thầy Tào là người dân tộc Tày.

Sau khi chữ quốc ngữ được sử dụng một cách phổ biến, nhất là từ khi hệ thống chữ Tày được Latinh hoá, và “*Phương án chữ Tày Nùng*” được chính phủ phê chuẩn, chính thức công bố và sử dụng năm 1961 thì phạm vi sử dụng ngôn ngữ Tày trong đời sống xã hội càng trở nên quan trọng. Sách báo được viết bằng tiếng Tày thuộc những thể loại khác nhau trong các lĩnh vực được xuất bản ngày càng nhiều ở tỉnh Cao Bằng nói riêng và toàn quốc nói chung.

Ngày 1/4/1964, Báo Cao Bằng ra số báo đầu tiên và chính thức là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng khóa VI. Báo Cao Bằng và Tạp chí Non nước Cao Bằng của Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh cũng dành những trang đặc biệt để đăng tải các bài thơ bằng tiếng Tày. Nhiều ấn phẩm được xuất bản song ngữ bằng tiếng dân tộc Tày - tiếng phổ thông để tăng cường tủ sách cho thư viện và các tủ sách văn hóa dân tộc ở cơ sở. Thư viện tỉnh cũng nỗ lực số hóa tài liệu bằng tiếng dân tộc để lưu giữ lâu dài. Bên cạnh đó, tỉnh căn cứ tình hình dân tộc trên địa bàn đã có nhiều hình thức tổ chức các hoạt động, nội dung nhằm giữ gìn và phát huy tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày như: khảo sát, thống kê, sưu tầm tiếng nói, chữ viết, thư tịch cổ; biên soạn, xuất bản sách bằng tiếng dân tộc; lập hồ sơ khoa học về ngôn ngữ: “Chữ Nôm của người Tày” đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong 10 năm trở lại đây, Cao Bằng có nhiều tập thơ song ngữ Tày - Việt được xuất bản, như: *"Ngược gió"* của Y Phương; *"Tóc Lả"* của Ngô Lương Ngôn; *"Sau đêm"* của Hữu Tiến; *"Mưa bóng mây"* của Thu Bình; *"Đường tơ"* của Hoàng An; *"Dòng sông nghiêng"* của Đoàn Lư; *"Gió hoàng hôn"* của Đoàn Ngọc Minh, và nhiều tập thơ khác. Tác phẩm của các nhà văn chủ yếu tìm hiểu văn hóa truyền thống của dân tộc Tày và dịch thuật các tác phẩm thơ của cá nhân ra tiếng Tày. Điều này góp phần rất lớn trong việc lưu giữ, truyền bá tiếng Tày của dân tộc.

Gần đây, có một số bài đăng trên Báo Cao Bằng điện tử như: "Giữ gìn và phát huy tiếng Tày Cao Bằng" của Mông Văn Bốn; "Góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc Tày" của Xuân Lam; "Cao Bằng coi trọng duy trì, phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc" của Mỹ Anh;... Đây cũng là cách truyền thông khá hữu hiệu trong thời kỳ hiện đại ngày nay. Nhìn chung, truyền thông bằng tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày ở Cao Bằng có đóng góp không nhỏ vào việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ tộc người Tày.

- Phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày qua các lễ hội truyền thống và các làn điệu dân ca

Các lễ hội ở Cao Bằng đều mang tính nhân văn sâu sắc, hướng thiện, cầu phúc, cầu lộc, cầu mùa và mong muốn cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Các lễ hội bên cạnh việc thể hiện sinh động phong tục tập quán của dân tộc còn mang ý nghĩa tôn vinh những anh hùng chống giặc ngoại xâm. Qua điều tra, khảo sát, người Tày ở Cao Bằng có một số lễ hội tiêu biểu như: Lễ hội Lồng Tồng (còn gọi là lễ xuống đồng), lễ hội Mẹ Trắng (còn gọi là lễ Nàng Hai), Lễ hội pháo hoa Quảng Uyên, Lễ hội du lịch thác Bản Giốc, lễ hội Đền Vua Lê, lễ hội chùa Đà Quận, lễ hội Chùa Sùng Phúc, lễ hội Chùa Phổ Cũ, lễ hội chùa Đông Lân, lễ hội Đền Kỳ Sầm, lễ hội chọi trâu ở Bảo Lâm, lễ hội xuân ở Nguyên Bình, lễ hội Co Sầu ở Trùng Khánh,... Các lễ hội là những sự kiện đẩy mạnh hoạt động quảng bá tiềm năng du lịch của địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, thu hút đầu tư, đẩy mạnh hoạt động thương mại biên giới. Lễ hội còn là ngày hội văn hóa du lịch, là cầu nối gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các vùng miền; làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

Trong các lễ hội thường diễn ra phần lễ và phần hội, ngôn ngữ Tày được sử dụng và phát huy hiệu quả trong suốt tiến trình lễ và hội, biểu thị sức sống dân gian rất mạnh mẽ và quan trọng của văn hóa địa phương. Trong phần lễ, chủ yếu do các thầy Tào, thầy cúng, thầy mo, già làng, trưởng bản thực hiện nghi lễ dâng hương, cầu khẩn. Với nghi lễ dâng hương tùy vào truyền thống văn hóa của vùng miền, mâm lễ đầy đủ hương hoa, rượu, lễ mặn, lễ nhạt,... Các bài văn khấn đa số được viết, nói bằng chữ Nôm Tày. Một số thầy dùng chữ Tày được la tinh hóa và đọc bằng tiếng Tày. Để ngôn ngữ Tày tiếp tục phát huy giá trị vốn có, người Tày cần tiếp tục gìn giữ chữ Nôm Tày và chữ Tày được Latinh hóa để lưu giữ sự thành kính, nghiêm trang đúng nghĩa lễ hội truyền thống của dân tộc Tày.

Trong phần hội, ngôn ngữ Tày được sử dụng như một điểm nhấn rất hiệu quả trong quảng bá văn hóa với sự sôi động của các trò chơi dân gian và hát dân gian như hát *Then*, hát

sli, hát *lượn*, *phong slur*,... Lời các bài hát này đều được sử dụng tiếng Tày. Hát *Then* là một loại hình nghệ thuật mang màu sắc tín ngưỡng, thuật lại một cuộc hành trình lên thiên giới để cầu xin điều gì đó, vì thế làn điệu then thường dịu dặt, tha thiết. Hát *sli* là hình thức hát thơ (chủ yếu là truyện thơ), được biểu diễn dưới dạng đối đáp nam nữ. Hát *sli* thể hiện tình cảm đàn trai, nhịp điệu tự do, giai điệu thường được tô điểm bởi các nốt luyến láy hoa mỹ ở cuối câu tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển, người nghe dễ dàng cảm nhận được tính chất trữ tình, sâu lắng. Hát *lượn* là lối hát giao duyên giữa nam và nữ, có trình tự, thủ tục bài bản. Mỗi vùng có từng loại *lượn* khác nhau như *lượn Then* ở Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa; *lượn nàng ới* ở Hà Quảng; *lượn cọi* ở Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng; *lượn ngạn* ở vùng biên giới Trùng Khánh và vùng giáp ranh với Hòa An, *lượn shương* ở Thạch An, Phục Hòa,... Khi cất lên thành giai điệu thì lời ca bay bổng diệu kỳ, cuốn hút người nghe, kẻ hát. Giai điệu *lượn shương* êm ái, dung dị, ngọt ngào cảnh sắc núi rừng quê hương và lòng người, da diết yêu thương, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Hát *phong slur* nghĩa là một bức thư tình viết theo thể thơ thất ngôn trường thiên bằng tiếng Tày và đôi câu Hán tự, Hán nôm có lẫn với cả Nôm Tày. Những bức thư tình ấy là nỗi niềm suy tư thầm kín, sâu lắng từ đáy lòng của các chàng trai, cô gái mới quen hay đã và đang bén duyên nhau hoặc là tơ duyên trắc trở. Làn điệu hát *phong slur*, thể hiện nỗi niềm day dứt, khao khát hướng về nhau để trái lòng giải bày, tâm tình với bạn, giai điệu ngọt ngào man mác khi trầm khi bổng vút lên ý nhị, hàm chứa đầy tương tư.

Thực tế cho thấy những năm gần đây, Cao Bằng đã bảo tồn rất tốt các lễ hội truyền thống và các làn điệu dân ca Tày, qua đó phát huy ngôn ngữ Tày ở nhiều huyện trong tỉnh. Năm 2011, Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng được thành lập. Từ 70 hội viên ban đầu, đến nay toàn Hội có 10 chi hội được thành lập tại các huyện, thành phố với tổng số hội viên là 2.192 người. Chi hội có số hội viên đông nhất là Trùng Khánh gần 400 người. Một số huyện đã hình thành phân hội ở tất cả các xã, thị trấn. Hội có 5 câu lạc bộ (CLB) dân ca được thành lập: CLB dân ca Tày, Nùng ở thành phố Cao Bằng; CLB dân ca thị trấn Trùng Khánh, CLB hát Then Nam Tuấn, Hoà An; CLB hát Then và hát dân ca Bản Giốc - Ngườm Ngao, CLB hát Then phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng. Công tác thành lập các chi hội, các CLB, phát triển hội viên của Hội trên toàn tỉnh cơ bản đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân các dân tộc.

Đặc biệt, Tuần lễ Văn hóa, thể thao, du lịch và Chợ Tình Phong Lưu huyện Bảo Lạc năm 2022 diễn ra 4 ngày, 3 đêm, bắt đầu từ ngày 7 và kết thúc ngày 10/9. Điểm nhấn của sự kiện là việc phục dựng Chợ Tình Phong Lưu ở huyện Bảo Lạc. Trai, gái đến Chợ Tình sẽ giao lưu, hát giao duyên. Trong đó, trai, gái dân tộc Tày sẽ đối đáp bằng giai điệu *lượn cọi* và trao khăn, giày vải; trai, gái dân tộc Nùng hát đối đáp bằng điệu *nàng ới*; trai, gái dân tộc Sán Chỉ hát đối đáp giao duyên tìm bạn; trai, gái dân tộc Hmông hát đối đáp và múa khèn; dân tộc Dao đỏ có tục giặt khăn;...

Việc bảo tồn các làn điệu dân ca Tày hay phục dựng các lễ hội truyền thống của dân tộc Tày là cách chúng ta gìn giữ và phát huy ngôn ngữ tộc người Tày ở Cao Bằng.

- Việc dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng

Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số, ngày 26 tháng 8 năm 2013 Bộ Nội vụ đã có Công văn số 3060/BNV-ĐT đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng tổ chức tham gia biên soạn tài liệu tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức tại Cao Bằng. Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng và Ban biên soạn đã hoàn thành cuốn tài liệu "Slon phuổi Tày" (Học tiếng Tày) theo chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuốn tài liệu này đã được UBND tỉnh ban hành để bồi dưỡng tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh theo Quyết định số 323/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 03 năm 2014. Trong quá trình sử dụng, để phù hợp hơn, gần gũi hơn với phương ngữ người học tiếng Tày ở Cao Bằng, Ban biên soạn tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa "Slon phuổi Tày" tái bản thành cuốn tài liệu "Slon tiếng Tày" để tiếp tục phục vụ tốt hơn cho công tác dạy học.

Cuốn sách "Slon tiếng Tày" nhằm phục vụ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào dân tộc Tày làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; ngoài ra cuốn sách cũng cung cấp các kỹ năng cơ bản cho những người có nhu cầu giao tiếp với người Tày, hiểu biết về phong tục tập quán, nền văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Tày. Tỉnh đã giao cho Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh mở lớp học dạy tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức. Từ năm 2013 đến nay, tỉnh Cao Bằng tổ chức được 68 lớp bồi dưỡng tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức với trên 6.000 lượt người tham gia. Trong đó, có hơn 92% là người dân tộc Tày học tiếng Tày, còn lại khoảng 8% là các dân tộc khác như: Kinh, Nùng, Hmông, Hoa... học tiếng Tày.

Từ năm 2014 - 2016, cử nhân Phùng Lê Phong thực hiện đề tài "Nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng tại Trường Năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh Cao Bằng". Đề tài tổ chức đào tạo thử nghiệm 01 năm đối với học sinh năng khiếu thanh nhạc tại Trường Năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh. Từ đó đến nay, nhà trường đã đào tạo 9 lớp năng khiếu thanh nhạc, hát một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng. Đây cũng là nỗ lực của nhà trường đối với việc gìn giữ các làn điệu dân ca Tày và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày.

Hiện nay, cuốn tài liệu "Giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng" dành cho THCS và THPT được biên soạn và đưa vào chương trình giáo dục phổ thông mới. Chương trình của lớp 6, lớp 7, lớp 10 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Chương trình của lớp 8, lớp 9, lớp 11, lớp 12 đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiệm thu. Cuốn tài liệu này được viết bằng tiếng Việt sẽ giúp các em học sinh hiểu biết hơn về con người, ngôn ngữ, văn học, lịch sử, địa lý... địa phương Cao Bằng.

Việc dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng thực tế được triển khai khá tốt, giúp cán bộ công chức, viên chức, học sinh hiểu rõ hơn về phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào mình. Qua đó, họ giao tiếp, xử lý công việc với người dân thuận lợi, hiệu quả hơn. Chính sự gần gũi, thân thiện khi giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ khiến người dân tin tưởng hơn vào cán bộ, chính quyền. Nhờ thế mối quan hệ gắn kết giữa đồng bào và chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội được cải thiện. Các em học sinh hiểu biết, sử dụng tiếng dân tộc Tày nhiều hơn giúp bồi dưỡng và tăng thêm tình yêu tiếng mẹ đẻ, tình yêu quê hương, đất nước.

3. Một số khuyến nghị

Căn cứ vào thực trạng việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới cho thấy: Cần phải tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngôn ngữ dân tộc tới đồng bào; Tăng cường truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc Tày; Gìn giữ và phát huy truyền thống bằng ngôn ngữ của dân tộc Tày; Tiếp tục mở rộng quy mô dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày. Muốn thực hiện được những điều này, chính quyền địa phương cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Thứ nhất, chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc, không để đồng bào bị các đối tượng xấu lôi kéo, lợi dụng và kích động. Đồng thời tiếp tục hoàn thiện chính sách dân tộc, từng bước nâng cao đời sống kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng, miền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức của truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc Tày. Đối với các loại sách in, báo in, tạp chí bằng tiếng dân tộc, cần lấy ý kiến của người đọc để đánh giá hiệu quả, hiệu lực của truyền thông đến với các đối tượng thụ hưởng. Ngôn ngữ Tày được sử dụng trong phát thanh truyền hình cần tiếp tục phát huy và tăng thời lượng, tăng mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của sách báo in và phát thanh truyền hình bằng tiếng dân tộc Tày. Có như vậy mới cùng lúc thực hiện được hai nhiệm vụ: truyền tải thông tin và gìn giữ, phát triển ngôn ngữ dân tộc Tày Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới.

Thứ ba, để gìn giữ và phát huy tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày, thời gian tới tỉnh cần tăng cường chỉ đạo công tác bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày và các dân tộc thiểu số; đẩy mạnh công tác sưu tầm, biên dịch các sách cổ của dân tộc Tày trên địa bàn tỉnh. Quan tâm công tác sưu tầm, khai thác và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống, các làn điệu dân ca dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ viết dân tộc Tày trong sáng tác. Động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia các chương trình văn nghệ, giao lưu văn hóa, quảng bá lễ hội truyền thống, dân ca Tày tại địa phương.

Thứ tư, tiếp tục mở rộng quy mô dạy học tiếng dân tộc Tày ở trường phổ thông, duy trì và nâng cao hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc Tày cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg. Củng cố và từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đổi mới. Mở các khóa đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc Tày hệ chính quy tại trường Cao đẳng Sư phạm Cao

Bằng. Đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa các hình thức dạy học, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc. Với đội ngũ trí thức địa phương, cần bồi dưỡng để họ cùng tham gia xây dựng chương trình, sách giáo khoa, tài liệu công cụ như từ điển, sách từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng..., cung cấp cho họ cách thức sưu tầm văn học dân gian, kiến thức sáng tác các tác phẩm bằng tiếng dân tộc Tày. Nhà trường cần bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, tranh ảnh để phục vụ cho giảng dạy tiếng dân tộc Tày ở địa phương. Nâng cao ý thức trân trọng giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, đề đồng bào dân tộc Tày Cao Bằng có trách nhiệm giữ gìn và phát huy ngôn ngữ của dân tộc mình.

Kết luận

Xã hội ngày càng phát triển, sự du nhập, giao thoa của các nền văn hóa và việc tiếp cận ngôn ngữ của các dân tộc khác sống liền kề là điều không tránh khỏi. Do đó, gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới là việc làm cần thiết. Tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn để có thể nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy học, bồi dưỡng tiếng dân tộc Tày cho học sinh phổ thông và cán bộ, công chức, viên chức vùng dân tộc thiểu số như: Hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác đào tạo hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; Chế độ, chính sách cho giáo viên và người học còn hạn chế; Tài liệu dạy học, chữ viết mới được phiên âm, mà mỗi vùng lại phiên âm theo cách khác nhau, ngay cả những người tham gia biên soạn chương trình và giảng dạy cũng có một số ngữ âm, chữ viết chưa thống nhất;... Vì vậy, mỗi người dân Tày cần phải quan tâm hơn đến truyền dạy, động viên thế hệ trẻ học tập, tìm hiểu và sử dụng thành thạo ngôn ngữ dân tộc mình, khuyến khích sử dụng tiếng Tày trong sinh hoạt, đời sống. Đồng thời, vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc là hết sức quan trọng trong việc tham mưu các chính sách gìn giữ, phát huy ngôn ngữ đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Tày ở Cao Bằng nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Triệu Thị Kiều Dung (2017), *Sưu tầm và nghiên cứu giá trị các văn bản chữ Nôm Tày ở Cao Bằng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng chủ trì, Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Tỉnh Cao Bằng (Thời gian thực hiện 03/2015 - 02/2017).
2. Hà Thị Tuyết Nga (2014), *Nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ dân tộc Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Thị Phương (2020), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở 01/4/2019 tỉnh Cao Bằng*, Cục Thống kê Cao Bằng, Nxb. Thống kê.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (2022), *Báo cáo về việc Thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021*, Số: 2331/BC-UBND, ngày 12 tháng 9 năm 2022.